

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Kim Bình

Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1981; HKTT: Làng CC, xã LT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã YT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C; sinh năm: 1987; HKTT: Làng CC, xã LT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Làng CC, xã LT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh C. Chị H, anh C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn C kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ đầu năm 2012, nhưng mãi đến ngày 20/3/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã LT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng H

thuận đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **C** không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập với bạn bè rượu chè, say xỉn, không quan tâm đến gia đình, vợ con, thậm chí còn đánh đập chị. Chị đã khuyên bảo nhưng không được. Đến cuối năm 2018, anh **C** bị xử 01 năm tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành xong án phạt tù trở về, anh **C** vẫn không chịu thay đổi. Đến tháng 04/2020, chị đã xuống nhà họ hàng ở xã Yên Tâm, huyện Yên Định sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn **N**, sinh ngày 14/12/2012. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**, yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị **H** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn **C** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không tu chí làm ăn, tụ tập với bạn bè chơi bời. Năm 2018, anh bị xử 12 tháng tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Năm 2019, anh chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương đã tu chí làm ăn, nhưng chị **H** đã thay đổi, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo nhưng không được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị **H**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Văn **N**, sinh ngày 14/12/2012. Hiện cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**, yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh thay đổi quan điểm: Hiện cháu **N** đang ở với chị **H**. Nếu ly hôn, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **C** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **H** đã thực hiện đầy đủ quyền và **N** vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **C** không thực hiện đầy đủ quyền và **N** vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị **H** được ly hôn anh Lê Văn **C**. Giao cháu Lê Văn **N**, sinh ngày 14/12/2012 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **H** và anh **C** thống nhất ly hôn, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn **C** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **C** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **C** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên **H** giải hai lần nhưng anh **C** đều không đến để tham gia **H** giải nên Tòa án không tiến hành **H** giải được. Đây là trường hợp không tiến hành **H** giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị **H** và anh Lê Văn **C** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị **H**, anh **C**.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị **H** và anh Lê Văn **C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013 tại UBND xã **LT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh **C** không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập chơi bời với bạn bè. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã **LT** xác nhận. Chị **H** và anh **C** đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị **H**, anh **C** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, **N** vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **H** được ly hôn anh **C**.

[3] Về con cái: Chị **H** và anh **C** có 01 con chung. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị **H**. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **H**, giao cháu **N** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **C** có **N** vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy mức đề nghị cấp dưỡng của chị **H** là phù hợp, buộc anh **C** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị **H**, anh **C** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị **H** được ly hôn anh Lê Văn **C**.

2. Về con cái: Giao cháu Lê Văn **N**, sinh ngày 14/12/2012 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Anh **C** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị **H** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011930 ngày 02/6/2021. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn **C** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị **H**, anh **C** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **LT**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Triệu Kim Bình

Phạm Đức Hn

Nguyễn Thanh Tân

